

# ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS : Nhận biết rõ các yếu tố cơ bản của bài văn nghị luận và mối quan hệ của chúng với nhau.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Ở bài này HS phải tìm hiểu các yếu tố nội dung của văn bản nghị luận, do đó cần cho HS hiểu *luận điểm, luận cứ và lập luận*. Ở trình độ lớp 7, SGK không yêu cầu HS đi sâu vào định nghĩa, mà yêu cầu *nhận biết, gọi tên đúng, sử dụng đúng*.

2. *Luận điểm* nói chung là *ý kiến* về một vấn đề nào đó. Đây không phải là định nghĩa mà chỉ là chuyển đổi cách nói cho dễ tiếp nhận mà thôi. Từ điển tiếng Việt giải thích rằng : Ý kiến là "cách nhìn, cách nghĩ, cách đánh giá riêng của mỗi người về sự vật, sự việc, về một vấn đề nào đó". Như vậy, nếu ai đó nói "cơm ngon", "nước mát" là một ý kiến, nhưng không thể coi là luận điểm. Luận điểm là ý kiến về một vấn đề, thể hiện *quan điểm, tư tưởng* nào đó.

*Luận điểm* là linh hồn, tư tưởng, quan điểm của bài nghị luận. Để cho dễ hiểu, SGK gọi luận điểm là "ý kiến". Song trong thực tế nhiều ý kiến không có luận điểm, bởi vì thực chất của luận điểm là tư tưởng, quan điểm. GV nên biết điều này để có cách sử dụng định nghĩa luận điểm một cách thích hợp. Có luận điểm chính (lớn) tổng quát, bao trùm toàn bài. Có luận điểm phụ (nhỏ), là bộ phận của luận điểm chính. Nói *Tiếng Việt giàu đẹp* – đó là luận điểm chính, tổng quát. Từ luận điểm chính ấy có thể chia ra các luận điểm phụ như : *Tiếng Việt giàu thanh điệu ; Tiếng Việt uyển chuyển, tinh tế ; Tiếng Việt hóm hỉnh,...* Cách phân chia cấp độ luận điểm hiện chưa có cách gọi thống nhất. Gọi là chính – phụ hay lớn – nhỏ đều được. Có luận điểm "nhỏ" nhưng không "phụ". Có luận điểm "chính" nhưng không "lớn". Ở đây sử dụng theo ý nghĩa tương đối.

Luận điểm có hình thức phán đoán : Đó là câu khẳng định tính chất, thuộc tính, như : *Tiếng Việt giàu đẹp ; Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp của nhân dân ta, hay Bác Hồ bất tử,...* Luận điểm phải rõ ràng, nổi bật mới gây được chú ý.

3. *Luận cứ* là những *lí lẽ, dẫn chứng* làm cơ sở cho luận điểm. Lí lẽ là những đạo lí, lẽ phải đã được thừa nhận, nêu ra là được đồng tình. Dẫn chứng là sự việc, số liệu, bằng chứng để xác nhận cho luận điểm. Dẫn chứng phải xác thực, đáng tin cậy, không thể bác bỏ. Lí lẽ và dẫn chứng đáng tin cậy làm cho luận cứ vững chắc.

4. *Lập luận* là cách nêu luận điểm và vận dụng lí lẽ, dẫn chứng sao cho luận điểm được nổi bật và có sức thuyết phục. Luận điểm được xem như kết luận của lập luận. Lập luận bao gồm các cách suy lí, quy nạp, diễn dịch, phân tích, so sánh, tổng hợp, sao cho luận điểm đưa ra là hợp lí, không thể bác bỏ. Lập luận thể hiện trong cách viết đoạn văn và trong việc tổ chức bài văn. Mở bài cũng có lập luận, Thân bài và Kết bài đều có lập luận. Trong luận cứ cũng có lập luận. Có thể nói lập luận có ở khắp trong bài văn nghị luận. Có lập luận mới đưa ra được luận điểm như là kết luận của nó.

Khái niệm lập luận ở đây dùng thay cho thuật ngữ "luận chứng" thường được dùng trong một số sách khác. Lập luận có nghĩa là xây dựng luận điểm, làm cho luận điểm đứng được. Người Trung Quốc dùng "lập luận" để đối lập với "bác luận", tức là bác bỏ lập luận của người khác. Nhưng xét ra "bác luận" cũng chỉ là một cách lập luận mà thôi : lập luận để bác bỏ. Do đó chúng tôi cho rằng chỉ dùng một thuật ngữ "lập luận" là đủ.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

#### **Hoạt động 1.** Tìm hiểu luận điểm.

Luận điểm với tư cách là tư tưởng, quan điểm của bài viết thể hiện tập trung ngay trong nhan đề : *Chống nạn thất học*. Đó là một khẩu hiệu. Luận điểm đó được trình bày đầy đủ ở câu : "Mọi người Việt Nam... trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ". Cụ thể hoá thành việc làm, là *Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ và Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Phụ nữ lại càng cần phải học*. Như thế tức là *chống nạn thất học*, một công việc phải làm ngay.

GV nêu câu hỏi như trong SGK và cho HS thấy : Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng của bài văn nghị luận. Luận điểm được thể hiện trong nhan đề, dưới dạng các câu khẳng định nhiệm vụ chung (luận điểm chính), nhiệm vụ cụ thể (luận điểm phụ) trong bài văn.

### **Hoạt động 2.** Tìm hiểu luận cứ.

Luận cứ là lí lẽ và dẫn chứng làm cơ sở cho luận điểm. Lí lẽ trong bài là :  
a) Chính sách ngu dân của thực dân Pháp làm cho hầu hết người Việt Nam mù chữ, tức là thất học, nước Việt Nam không tiến bộ được ; b) Nay nước độc lập rồi, muốn tiến bộ thì phải cấp tốc nâng cao dân trí để xây dựng đất nước. Với hai lí do đó, tác giả đề ra nhiệm vụ : *Mọi người Việt Nam phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ*, tức là chống nạn thất học. (Ở đây GV nên lưu ý, hai lí lẽ trên được tạo thành bởi hai lập luận theo quan hệ nhân quả (lí lẽ a) và quan hệ điều kiện (lí lẽ b). Điều này GV biết, nhưng tạm thời không cần cho HS biết vì dễ gây phân tán, khó hiểu.)

Vậy chống nạn thất học như thế nào ?

*Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ. Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết.* Tác giả đưa ra một loạt ví dụ, dẫn chứng : "Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo...".

GV nêu câu hỏi như SGK và cho HS thấy lí lẽ và dẫn chứng. Luận cứ ở đây trả lời câu hỏi : Căn cứ vào đâu mà đề ra nhiệm vụ chống nạn thất học ? Và câu hỏi : Muốn chống nạn thất học thì làm thế nào ? Luận cứ đã làm cho tư tưởng bài viết có sức thuyết phục. Người ta thấy chống nạn thất học là cần kíp và đó là việc có thể làm được (ngày nay thường nói là nhiệm vụ khả thi).

### **Hoạt động 3.** Tìm hiểu lập luận.

GV nêu câu hỏi như trong SGK và cho HS thấy : Trước hết tác giả nêu lí do vì sao phải chống nạn thất học, chống nạn thất học để làm gì. Có lí lẽ rồi mới nêu tư tưởng chống nạn thất học. Nhưng chỉ nêu tư tưởng thì chưa trọn vẹn. Người ta sẽ hỏi : Vậy chống nạn thất học bằng cách nào ? Phần tiếp theo của bài viết giải quyết việc đó. Cách sắp xếp như trên chính là *lập luận*. Lập luận như vậy là chặt chẽ.

Sau khi hoàn thành ba hoạt động trên, GV cho HS học Ghi nhớ.

### **Hoạt động 4.** Hoạt động củng cố bài.

Chỉ ra luận điểm, luận cứ và lập luận trong bài *Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội*.